

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT
Ngày 29-01-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Chính
Bà Bùi Thị Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 335/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 122/TB-TA ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Xuân B, sinh năm 1941; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Tô Thị G, sinh năm 1946; nơi cư trú: Khu H, phường G, quận A, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người kháng cáo:* Ông Lưu Xuân B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 20/5/2019; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Lưu Xuân B trình bày:

Năm 1993, ông B nhận chuyển nhượng của ông Bùi Đức H một ngôi nhà cấp 4, mái lợp ngói xi măng nằm trên diện tích đất có chiều rộng 5,2m, chiều dài 12m; địa chỉ: Thôn Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện E (nay là tổ dân phố Tân Tiến, phường G, quận A) với giá 3.000.000 đồng tương đương 01 cây vàng. Ông B trực tiếp trả cho bà I. Số tiền này là của ông B. Khi mua hai bên viết giấy tay, có chữ ký của ông B, chữ ký của bà I (là vợ của ông H), có bà Bùi Thị K (chị gái của ông H) và ông Lưu Văn L (em trai của ông B) chứng kiến. Khi mua hai bên không xác định giáp ranh tứ cận, không xác nhận tại chính quyền địa phương. Năm 2002 – 2003, Nhà nước mở rộng đường nên đã lấy một phần, ông B là người nhận số tiền đền bù khoảng 20.000.000 đồng. Hiện tại ông B không còn lưu giữ được bản gốc giấy mua bán nhà nên chỉ còn bản phô tô xuất trình cho Toà án. Sau khi mua nhà thì ông B và bà G về chung sống cùng nhau tại ngôi nhà này nhưng chưa đăng ký kết hôn. Năm 1994, ông B bỏ tiền riêng ra để xây công trình phụ phía sau hết khoảng 05 triệu đến 06 triệu đồng. Hiện tại, bà G đang quản lý, sử dụng nhà và đất nêu trên. Bà G đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở văn bản bán nhà của ông Bùi Văn H cho bà G. Tại văn bản này người làm chứng là bà Bùi Thị K làm chứng lại không ký văn bản, còn người ký văn bản ông Lưu Văn L lại không có tên là người làm chứng trong văn bản. Nay ông B khởi kiện đề nghị Toà án xác định diện tích đất trên là của ông B, không phải của bà G.

Tại bản tự khai ngày 10, ngày 15/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn – bà Tô Thị G trình bày:

Ngày 09/02/1993, trước khi kết hôn với ông B, bà G có nhận chuyển nhượng của ông Bùi Đức H diện tích đất 60m², thửa đất số 355a, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: Thôn Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện E (nay là tổ dân phố Tân Tiến, phường G, quận A). Khi bà G nhận chuyển nhượng thửa đất này được sự đồng ý của hai vợ chồng ông H và có viết giấy tay với giá 3.000.000 đồng. Đến tháng 6 năm 1993, ông B về chung sống với bà G như vợ chồng. Đến năm 2013 thì ông B, bà G mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên năm 2017, bà G, ông B đã làm thủ tục ly hôn tại Toà án. Sau đó, ông B có ý đồ chiếm đoạt tài sản riêng của bà G nên đã giả mạo giấy tờ nhằm sang tên đổi chủ diện tích đất tại thửa đất số 355a, tờ bản đồ số 04, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà G đã phát hiện ra và làm đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân phường G. Ngày 23/3/2019, Ủy ban nhân dân phường G đã tiến hành hoà giải nhưng không có kết quả. Sau đó, Ủy ban nhân dân phường G lại tiếp tục hoà giải thêm một lần nữa nhưng không có kết quả. Bà G đã mua tài sản này là tiền của bà G và trước thời điểm kết hôn nên thửa đất này là tài sản riêng của bà G. Bà G cũng là người nộp thuế quyền sử dụng đất của thửa đất này nên bà G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 29/7/2020, Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào Điều

221 Bộ luật Dân sự, Điều 100 Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn một số điều Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Xuân B về việc công nhận quyền sử dụng của ông B đối với diện tích đất 60m² và tài sản trên đất tại thửa số 355a, tờ bản đồ số 04 tại Thôn Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện E (nay là tổ dân phố Tân Tiến, phường G, quận A) thành phố Hải Phòng. Công nhận quyền sử dụng đất của bà Tô Thị G và tài sản trên đất đối với diện tích 60m² tại thửa thửa số 355a, tờ bản đồ số 04 tại Thôn Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện E (nay là tổ dân phố Tân Tiến, phường G, quận A). Bà G có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí về xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/8/2020, ông Lưu Xuân B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm, trả hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận A xét xử lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn – ông Lưu Xuân B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Bị đơn giữ nguyên nội dung trình bày và quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của nguyên đơn: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì người được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 355a, tờ bản đồ số 04 tại Thôn Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện E là ông H xác nhận đã chuyển nhượng cho bà G, không chuyển nhượng cho ông B và không biết ông B là ai. Ông B xuất trình bản phô tô giấy chuyển nhượng có chữ ký của bà I vợ ông H nhưng bà I lại không thừa nhận chữ ký đó là của bà I. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông B, căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng – khoản 9 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên nguyên đơn có quyền khởi kiện – khoản 3 Điều 155 Bộ luật Dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn – ông Lưu Xuân B: Căn cứ lời khai của các đương sự, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3] Ông B và bà G về chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng đến ngày 30/5/2013 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Đức, quận N, thành phố Hải Phòng. Ông B, bà G không có con chung. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn không thể khắc phục nên ông B, bà G đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Bản án ly hôn sơ thẩm số 14/2017/HNGĐ-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện E, thành phố Hải Phòng đã quyết định cho bà G được ly hôn với ông B. Bản án không quyết định về tài sản chung vợ chồng.

[4] Căn cứ Báo cáo số 144/BC-UBND ngày 18/9/2013 của Ủy ban nhân dân phường G; Biên bản xác minh tại địa chính phường G và tài liệu chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc: Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 04, diện tích theo bản đồ giải thửa của phường năm 1989 là 140m² là đất thổ cư thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Đình O được Ban kinh tế mới thành phố Hải Phòng giao cho sử dụng. Năm 1989, ông O chuyển nhượng cho ông Lưu Thành P diện tích đất là 78,0m² đất ở (hiện đang đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); chuyển nhượng cho bà Phùng Thị Q diện tích 60m². Năm 1991, bà Q chuyển nhượng cho ông Bùi Đức H. Sau này Ủy ban nhân dân phường G thấy ông B và bà G sinh sống trên diện tích đất của ông H. Việc ông H chuyển nhượng cho ông B, bà G hay cho cả ông B, bà G thì chính quyền địa phương không nắm được vì khi chuyển nhượng cho nhau họ không xin xác nhận của chính quyền địa phương. Tháng 9 năm 2013, ông B có gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường G làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do ông B, bà G có tranh chấp nên hiện tại diện tích đất có tranh chấp vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất do Ban kinh tế thành phố giao làm nhà ở nên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Ông B xuất trình bản phô tô “Giấy bán nhà” ngày 10/01/1993, có nội dung: Ông H xác nhận căn nhà ngói hai gian, diện tích sử dụng là 20m² ven Quốc lộ 14 thuộc Tân Thành, huyện E là ông H mua lại của bà Phùng Thị Q. Do không còn nhu cầu sử dụng nên ông H đồng ý bán lại ngôi nhà cho ông B và bà G với giá 3.000.000 đồng. Cụ thể mảnh đất có diện tích 60m² có căn nhà hình chữ nhật

chiều dài là 12m, chiều rộng là 5,2m, phía Bắc giáp nhà bà R, phía Nam giáp nhà ông S, phía Đông giáp kênh thoát nước, phía Tây giáp Quốc lộ 14. Giấy bán nhà có chữ ký người mua là ông Lưu Xuân B, chữ ký người bán là bà Nguyễn Thị T (vợ của ông H); chữ ký của người làm chứng: Bà Bùi Thị K, ông Lưu Văn L.

[6] Bà G xuất trình bản gốc “Hợp đồng bán nhà” ngày 09/02/1993, có nội dung: Ông H là chủ sở hữu ngôi nhà ven đường 14 thuộc xã Tân Thành, Kiến Thụy. Ông H đồng ý chuyển nhượng căn nhà lợp ngói và quyền sử dụng đất cho bà Tô Thị G, chiều ngang 05m, chiều dài khoảng 12m, tổng diện tích sử dụng là 60m² với giá 3.000.000 đồng. Phía Bắc giáp nhà bà R, phía Đông giáp nhà ông S. Việc chuyển nhượng có sự chứng kiến của bà Bùi Thị K và ông Lưu Văn L. Hợp đồng bán nhà ngày 09/02/1993 có chữ ký của người bán nhà là ông H và người mua nhà là bà G; chữ ký của người làm chứng ông Lưu Văn L.

[7] Lời khai của những người làm chứng:

[7.1] Lời khai của ông H: Ông H xác nhận mua của bà Q diện tích đất khoảng 60m², năm 1993 ông H đã chuyển nhượng cho bà G diện tích đất này và trên đất có một ngôi nhà cấp 4, lợp ngói tại Khu H, phường G, phía Bắc giáp nhà bà R, phía Đông giáp nhà ông S, với giá 3.000.000 đồng. Ông H xác nhận chỉ bán cho bà G, lúc đó bà G chưa lấy chồng và ông H không biết ông B là ai. Ông H chỉ ký giấy bán nhà ngày 09/02/1993.

[7.2] Lời khai của bà I: Bà I là vợ của ông H. Bà I xác nhận vợ chồng bà I chỉ bán nhà và đất cho bà G, không biết ông B là ai. Chữ ký tại mục “người bán nhà” trong bản phô tô do ông B xuất trình tại Toà án không đúng là chữ ký của bà I.

[7.3] Lời khai của bà Bùi Thị K: Bà R là chị gái của ông H. Bà R xác nhận ông H có chuyển nhượng cho bà G diện tích đất cạnh nhà bà R. Trong giấy chuyển nhượng ngày 09/02/1993, có viết tên bà R là người làm chứng, nhưng thực tế bà R không có mặt nên không ký tên là người làm chứng tại giấy này. Giấy bán nhà ngày 10/01/1993 do ông B xuất trình cho Toà án có chữ ký của người chứng kiến: Tuyết - Bùi Thị K, không đúng là chữ ký và chữ viết của bà R.

[7.4] Lời khai của ông Lưu Văn L: Ông Sinh là em ruột của ông B: Khoảng năm 1993-1994, ông B, bà G mới kết hôn được khoảng 1-2 năm. Ông B có mua mảnh đất của vợ chồng ông H, bà I với giá 3.000.000 đồng. Ông B nhờ ông Sinh lên làm chứng. Hôm đó có mặt cả hai vợ chồng ông H, bà I, ông B và ông Sinh. Ông B đưa tiền cho bà I, cả ông H, bà I ký giấy bán. Ông Sinh cũng chỉ làm chứng duy nhất một lần đó.

[8] Ông B xác nhận không còn lưu giữ được bản chính “Giấy bán nhà” ngày 10/01/1993. Do đó Toà án không thực hiện được yêu cầu của ông B đề nghị giám định chữ ký tại văn bản này. Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng

trả lời: Căn cứ vào Thông báo số 624/C54-P5 ngày 30/5/2016 của Viện trưởng Viện khoa học hình sự Bộ Công an thì không giám định các tài liệu là bản sao chụp. Song, người chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị T và người làm chứng là bà Bùi Thị K đều xác nhận chữ ký, chữ viết tại Giấy bán nhà ngày 10/01/1993 do ông B xuất trình không phải chữ ký, chữ viết của bà I và bà R.

[9] Ngày 23/3/2017 và ngày 29/3/2017, Ủy ban nhân dân phường G, quận A, thành phố Hải Phòng đã tiến hành hoà giải tranh chấp diện tích đất giữa ông B và bà G nhưng không có kết quả. Tại Biên bản làm việc ngày 23/3/2017 (có mặt ông H) và ngày 29/3/2017 (có mặt cả ông H và vợ là bà Nguyễn Thị T) thì vợ chồng ông H, bà I đều xác nhận hai vợ chồng ông H, bà I bán nhà, đất cho bà G vào ngày 09/02/1993 nhưng chỉ có ông H ký. Thời điểm này bà G chưa lấy ông B nên ông H, bà I không biết ông B.

[10] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/9/2016, ông B và bà G đều xác nhận ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất đã không còn giá trị sử dụng.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Ông B khởi kiện đề nghị Tòa án xác định: Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất tại thôn Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện E, thành phố Hải Phòng (nay là Khu H, phường G, quận A, thành phố Hải Phòng) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông B, không phải của bà G. Tuy nhiên, tài liệu là “Giấy bán nhà” ngày 10/01/1993 do ông B giao nộp chỉ là bản phô tô. Hơn nữa, bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị K có chữ ký tại mục người bán nhà và người chứng kiến đều xác nhận đó không phải là chữ ký và chữ viết của họ. Còn bà G thì xuất trình được bản gốc “Hợp đồng bán nhà” ngày 09/02/1993. Người được quyền sử dụng hợp pháp là vợ chồng ông H, bà I xác nhận chỉ giao dịch, chuyển nhượng cho bà G, không biết ông B. Vợ chồng ông H được quyền sử dụng hợp pháp vì đã nhận chuyển nhượng thửa đất từ bà Phùng Thị Q; bà Q nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông Phạm Đình O (người được Ban kinh tế mới thành phố Hải Phòng giao đất làm nhà ở). Tại thời điểm bà G nhận chuyển nhượng thửa đất từ ông H thì bà G và ông B chưa phải là vợ chồng. Do đó, có căn cứ để xác định thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà G. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm – Điều 163, Điều 165, Điều 221 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

[12.1] Ông Lưu Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông B khoản 1 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

[12.2] Bà Tô Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm - khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Xuân B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông B - khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Lưu Xuân B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 163, Điều 165, Điều 221 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Xuân B về việc xác định: Thửa đất số 355a, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất tại thôn Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện E, thành phố Hải Phòng (nay là Khu H, phường G, quận A, thành phố Hải Phòng) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lưu Xuân B.

2. Về án phí:

a. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lưu Xuân B.
- Bà Tô Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

b. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lưu Xuân B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận A,
TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận A,
TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương